

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 22 tháng 4 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới chợ,
Trung tâm thương mại và siêu thị tỉnh Bắc Giang đến năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ; Quyết định số 1371/2004/QĐ-BTM ngày 24/09/2004 của Bộ trưởng Bộ Thương mại về việc ban hành Quy chế siêu thị, trung tâm thương mại;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại tờ Trình số 119/TTr-SCT ngày 16/3/2009 về việc đề nghị phê duyệt dự án Quy hoạch mạng lưới chợ, trung tâm thương mại và siêu thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới chợ, trung tâm thương mại (TTTM) và siêu thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 (*điều chỉnh, bổ sung*) với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CHỢ, TTTM VÀ SIÊU THỊ

1. Mục tiêu

- Đầu tư phát triển hạ tầng thương mại đồng bộ, thống nhất với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phù hợp với đặc thù và quy mô phát triển dân số của từng địa phương, từng khu đô thị. Giữ gìn bản sắc văn hoá truyền thống của địa phương qua các hoạt động tại chợ.

- Tăng cường phát triển hệ thống chợ, TTTM và siêu thị trên địa bàn tỉnh, xoá bỏ dần các chợ tạm, chợ cóc, chợ vi phạm chỉ giới giao thông...

- Phát huy tốt vai trò của chợ, TTTM và siêu thị trong việc mở rộng trao đổi, thúc đẩy lưu chuyển hàng hoá và tăng thu ngân sách, phát triển thị trường trong mối liên hệ thống nhất, gắn kết với thị trường các tỉnh lân cận, đáp ứng tốt nhu cầu mua, bán, trao đổi hàng hoá, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống của nhân dân.

- Tạo các điều kiện thuận lợi để mạng lưới chợ, TTTM và siêu thị hoạt động, có hiệu quả, phù hợp với yêu cầu tổ chức không gian kinh tế, đô thị, giảm dần khoảng

cách đi lại và bán kính phục vụ, nhằm tạo thuận tiện cho người tiêu dùng ở mọi vùng, miền trong tỉnh, đảm bảo an ninh, trật tự, văn minh thương mại.

2. Định hướng Quy hoạch

2.1. Thiết lập một mạng lưới chợ, TTTM và siêu thị phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế

- Từ nay đến năm 2020 nâng cấp toàn bộ các chợ ở khu vực nông thôn, miền núi có cơ sở vật chất không đảm bảo; xây dựng mới một số chợ ở các cụm dân cư, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các trung tâm cụm xã.

- Ở khu vực đô thị: đầu tư phát triển khu thương mại tập trung và đầu tư xây dựng một số trung tâm thương mại, siêu thị với quy mô phù hợp.

- Ở khu vực nông thôn: tập trung cải tạo, nâng cấp, mở rộng các chợ hiện có, xây mới một số chợ cần thiết. Tăng số hộ kinh doanh cố định trong chợ, nhất là đối với chợ xã, cụm xã miền núi. Đối với các chợ thị trấn, thị tứ, cần quan tâm tạo điều kiện phát triển hệ thống các cửa hàng, cửa hiệu, siêu thị... tại khu vực cho phù hợp với nhu cầu mua bán trao đổi của dân cư, từng bước hình thành cụm, điểm thương mại trong khu vực.

- Xây dựng chợ với mô hình kiến trúc hợp lý, tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành về xây dựng cơ bản. Đối với các chợ, TTTM và siêu thị xây mới không trực tiếp đấu nối với đường quốc lộ.

- Tiếp tục phát triển các loại hình chợ truyền thống, đồng thời chú trọng phát triển thêm các loại hình chợ chuyên doanh, chợ du lịch, chợ đầu mối phù hợp với thực tiễn... đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh và địa phương.

2.2. Đẩy mạnh xã hội hoá các hình thức đầu tư chợ, TTTM và siêu thị: huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư trong xã hội vào phát triển chợ, TTTM và siêu thị. Ưu tiên nguồn vốn ngân sách dành hỗ trợ cho đầu tư phát triển chợ khu vực miền núi.

2.3. Đa dạng hoá hình thức quản lý kinh doanh, khai thác chợ, TTTM và siêu thị: căn cứ hình thức đầu tư, quy định thống nhất phương thức quản lý kinh doanh, khai thác theo đúng quy định của Nhà nước, mục đích là thuận lợi và hiệu quả.

II. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CHỢ, TTTM VÀ SIÊU THỊ

1. Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ (có biểu chi tiết kèm theo)

Đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh sẽ có 181 chợ, trong đó có 09 chợ loại I, 42 chợ loại II và 130 chợ loại III. Nâng cấp cải tạo 101 chợ, xây mới 55 chợ, di chuyển địa điểm 08 chợ và xoá bỏ 03 chợ.

- Tổng diện tích đất: 1.016.444m².

- Tổng vốn đầu tư chợ là 287,084 tỷ đồng.

- Mật độ bình quân 1,27 xã, thị trấn, phường/chợ; trung bình 21,1km² có 1 chợ; bình quân một chợ phục vụ 10.200 người.

Bên cạnh những loại hình chợ trên, từ nay đến 2020, đầu tư các chợ mới gồm: 02 chợ chuyên doanh gia súc gia cầm, 02 chợ đầu mối, 02 chợ kết hợp phục vụ du lịch.

2. Quy hoạch phát triển mạng lưới TTTM và siêu thị đến năm 2020 (có biểu chi tiết kèm theo)

2.1. Quy hoạch mạng lưới TTTM

Đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có 24 TTTM, trong đó: có 03 TTTM loại II và 21 TTTM loại III;

- Tổng diện tích đất: 277.200 m².
- Tổng vốn đầu tư: 713,505 tỷ đồng.

2.2. Quy hoạch mạng lưới siêu thị

Đến năm 2020 trên địa bàn toàn tỉnh có 29 siêu thị, trong đó: có 02 siêu thị loại I, 03 siêu thị loại II và 24 siêu thị loại III;

- Tổng diện tích đất: 90.000 m².
- Tổng vốn đầu tư: 184,500 tỷ đồng.

3. Nhu cầu đất và vốn đầu tư phát triển chợ, TTTM và siêu thị

3.1. Nhu cầu đất tăng thêm: 842.199 m²

Đơn vị tính: m²

Stt	Danh mục	Đến 2010	2011-2015	2016-2020	Tổng cộng
I	Đất chợ tăng thêm	126.300	224.580	129.532	480.412
1	Đất mở rộng:	63.300	98.580	27.900	189.780
2	Đất xây mới:	63.000	126.000	101.632	290.632
II	Đất TTTM	59.500	105.200	107.100	271.800
III	Đất siêu thị	6.206	46.545	37.236	89.987
	Cộng: I+II+III	192.006	376.325	271.986	842.199

3.2. Nhu cầu vốn đầu tư xây dựng: 1.418,107 tỷ đồng

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Nhu cầu vốn	Giai đoạn 2009-2010	Giai đoạn 2011-2015	Giai đoạn 2016-2020	Tổng cộng
I. Tổng vốn đầu tư chợ	105,334	110,627	71,123	287,084
Trong đó: Vốn Ngân sách 16%	16,853	17,700	11,379	45,933
1. Đầu tư cải tạo nâng cấp chợ	79,732	64,142	19,598	163,472
2. Đầu tư xây mới chợ	25,602	46,485	51,525	123,612
II. Vốn đầu tư xây dựng TTTM	97,255	282,350	333,900	713,505
III. Vốn đầu tư xây dựng siêu thị	15,170	95,940	73,390	184,500
Cộng: (I + II + III)	217,759	488,917	478,413	1.185,089
Dự kiến vốn đầu tư hạ tầng kỹ thuật 20%	43,552	93,783	95,683	233,018
Tổng cộng	261,311	582,700	574,096	1.418,107

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CHỢ, TTTM VÀ SIÊU THỊ

1. Một số giải pháp chung

1.1. Giải pháp đẩy mạnh phát triển kinh tế, xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật

- Tăng cường sự phối hợp thống nhất chỉ đạo các Sở chuyên ngành trong việc xây dựng và thực hiện các quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hoá theo định hướng kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

- Xây dựng và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng, đường giao thông, thông tin liên lạc, điện... đặc biệt ở vùng nông thôn miền núi, tạo điều kiện thuận tiện cho việc đi lại, buôn bán của thương nhân và người tiêu dùng.

1.2. Xã hội hoá đầu tư phát triển mạng lưới chợ, TTTM và siêu thị

- Thông báo công khai quy hoạch phát triển mạng lưới chợ, TTTM và siêu thị, quy hoạch sử dụng đất và danh mục chợ, TTTM và siêu thị được Nhà nước hỗ trợ đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách Trung ương, địa phương và các chính sách ưu đãi kèm theo để mọi công dân, doanh nghiệp, các nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận nghiên cứu đầu tư và khai thác.

- Đối với các chợ không thuộc đối tượng hỗ trợ theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ mở rộng các hình thức đấu thầu công khai chọn nhà đầu tư có kinh nghiệm, năng lực, uy tín trong đầu tư và quản lý khai thác chợ, TTTM và siêu thị, không phân biệt thành phần kinh tế.

1.3. Mở rộng liên doanh, liên kết giữa thị trường tỉnh với thị trường phụ cận

Mở rộng liên kết thị trường trong tỉnh và các tỉnh trong khu vực trên cơ sở phát huy lợi thế về vị trí địa lý, giao thông, cũng như tiềm năng thế mạnh đối với từng thị trường một cách thiết thực, hiệu quả, đặc biệt là thị trường Hà Nội, Lạng Sơn và Quảng Ninh. Các bên liên kết tận dụng triệt để nguồn lực sẵn có để hình thành các luồng hàng ra vào thông suốt, cung ứng ổn định cho hệ thống chợ, trung tâm thương mại và siêu thị trên địa bàn.

2. Các giải pháp cụ thể

2.1. Giải pháp huy động vốn đầu tư nhằm đẩy nhanh tiến độ phát triển chợ, TTTM và siêu thị

Đến năm 2020 tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển mạng lưới chợ, TTTM và siêu thị cần huy động 1.418,107 tỷ đồng. Để đảm bảo được đủ nguồn vốn đầu tư phát triển cần phải có các giải pháp, chính sách đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong đầu tư, quản lý phát triển hạ tầng thương mại.

- Đối với nguồn vốn ngân sách hỗ trợ cho đầu tư phát triển chợ theo Nghị định số 02/2003/ NĐ-CP dự kiến khoảng 16% tổng vốn đầu tư chợ (khoảng 45,933 tỷ đồng). Ngoài ra cần tranh thủ nguồn vốn tín dụng, vốn từ các chương trình phát triển kinh tế

- xã hội, xoá đói giảm nghèo, chương trình hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, định canh định cư ... của Nhà nước.

- Đối với các chợ, TTTM và siêu thị không được hưởng nguồn ngân sách hỗ trợ theo Nghị định số 02/2003/NĐ-CP: khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế tự đầu tư xây dựng, quản lý kinh doanh theo pháp luật hiện hành.

2.2. Giải pháp về cơ chế chính sách

- Tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế đầu tư xây dựng chợ được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư theo quy định.

- Xây dựng và ban hành các chính sách của địa phương về đầu tư, xây dựng, quản lý và phát triển hạ tầng thương mại phù hợp với thực tiễn địa phương, cơ sở.

- Các chợ chưa hoạt động hết công suất thiết kế, hoạt động kém hiệu quả thì tìm các biện pháp hữu hiệu để thu hút thương nhân hoặc xem xét để chuyển đổi mục đích sử dụng, mở rộng công năng hoặc sắp xếp di dời sang chợ khác. Kiên quyết giải toả các điểm, khu vực mua bán tự phát.

- Xây dựng giá thuê diện tích kinh doanh phù hợp với thực tiễn, đảm bảo thu hút được các hộ đến tham gia kinh doanh trên chợ.

2.3. Hoàn thiện công tác quản lý nhà nước đối với chợ, TTTM và siêu thị

- Xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển mạng lưới chợ, TTTM và siêu thị từng thời kỳ phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Khi thẩm duyệt đề án về chợ, TTTM và siêu thị phải căn cứ vào các quy định của Nhà nước về từng hạng mục, đảm bảo xây dựng theo đúng dự án được duyệt.

- Tổ chức tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển chợ, trung tâm thương mại và siêu thị cho thương nhân và mọi người dân được biết, thực hiện.

- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các ngành, các cấp trong việc hướng dẫn thực hiện đầu tư phát triển, quản lý kinh doanh khai thác hạ tầng thương mại theo đúng các quy định của nhà nước.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, xử lý các vi phạm về hoạt động đầu tư, quản lý và khai thác kinh doanh chợ, trung tâm thương mại và siêu thị. Đồng thời phát hiện những bất cập, khó khăn trong quá trình thực hiện, từ đó điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch, cơ chế, chính sách của địa phương, nhằm tạo điều kiện cho hoạt động chợ, trung tâm thương mại và siêu thị phát triển.

2.4. Giải pháp về đất xây dựng chợ, TTTM, siêu thị và bảo vệ môi trường

- Căn cứ quy hoạch được phê duyệt, các ngành liên quan, các địa phương tiến hành lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, lập đồ án xây dựng chi tiết, cần quan tâm sắp xếp quỹ đất dành cho phát triển hệ thống hạ tầng thương mại phù hợp, đảm bảo hiệu quả, hợp lý, tránh sự chồng chéo trong quản lý sử dụng đất.

- Tổ chức công bố quy hoạch sử dụng đất, tuyên truyền trên thông tin đại chúng về phương án được phê duyệt để các cấp các ngành và nhân dân tham gia quản lý, thực hiện quy hoạch đất dành cho phát triển hệ thống hạ tầng thương mại.

- Thực hiện nghiêm chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư, tạo điều kiện cho công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- Thực hiện tốt việc phân kỳ đầu tư và thu hồi đất, khai thác sử dụng đất đi đôi với bảo vệ môi trường, chú ý xử lý ô nhiễm môi trường, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường đất đai, nguồn nước, không khí... sử dụng đất hiệu quả, bền vững.

- Do đặc thù của hoạt động thương mại và vị trí đất đai có vai trò quan trọng (đặc biệt là loại hình bán lẻ) do đó cần Quy hoạch và ưu tiên bố trí quỹ đất có lợi thế phát triển thương mại.

- Tăng cường công tác kiểm tra thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm Luật đất đai.

- Chú trọng ngay từ đầu khâu thẩm định dự án đầu tư phát triển hạ tầng thương mại, các dự án nhất thiết phải có đánh giá tác động môi trường và giải pháp xử lý phù hợp giảm thiểu ảnh hưởng tác động đến môi trường khu vực.

- Thực hiện các giải pháp kỹ thuật xây dựng hệ thống cấp thoát nước, thu gom và xử lý rác thải, nước thải tại các chợ, TTTM và siêu thị; tăng cường công tác kiểm tra xử lý về vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động vật, thực vật tại các chợ, TTTM và siêu thị.

2.5. Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý và kinh doanh trong chợ

- Hàng năm ngân sách nhà nước giành một phần kinh phí để đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, kinh doanh chợ, trung tâm thương mại và siêu thị.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn tại địa phương cho đội ngũ cán bộ quản lý, kinh doanh chợ. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý chợ hiện có, bổ sung những cán bộ có phẩm chất đạo đức, có năng lực công tác.

- Từng bước tiêu chuẩn hoá cán bộ, nhân viên tổ chức và quản lý, trong đó quy định rõ trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ, độ tuổi...

- Xây dựng và triển khai một số mô hình quản lý chợ theo hướng văn minh, hiện đại trong giai đoạn 2009-2010. Rút kinh nghiệm triển khai diện rộng trong giai đoạn 2011-2020.

2.6. Giải pháp về nâng cao chất lượng phục vụ, văn minh thương mại và an toàn vệ sinh thực phẩm

- Thực hiện tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, khuyến khích kinh doanh bằng cách đề cao uy tín của các đối tượng kinh doanh có thành tích cao, tuân thủ pháp luật thông qua mạng lưới kinh doanh ngày càng văn minh, hiện đại.

- Tổ chức sắp xếp ngành hàng kinh doanh trong chợ một cách khoa học, hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho các thương nhân tham gia kinh doanh và người tiêu dùng.

- Mở rộng tập huấn bồi dưỡng kiến thức, không ngừng nâng cao trình độ dân trí, trình độ hiểu biết về kinh tế thị trường đến mọi tầng lớp dân cư, mọi doanh nhân, doanh nghiệp... hình thành các tổ chức, hiệp hội bảo vệ người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh.

- Mở rộng các lớp đào tạo nâng cao trình độ năng lực của các thương nhân, nhà phân phối hàng hóa, chuyển giao kiến thức, công nghệ phân phối hàng hóa hiện đại, từng bước đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về hàng hóa, bao gói và dịch vụ khách hàng.

- Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục về an toàn vệ sinh thực phẩm, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm đối với các hành vi vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm tại các chợ TTTM và siêu thị.

2.7. Giải pháp về phòng chống cháy nổ, an toàn giao thông

- Các dự án đầu tư chợ, TTTM và siêu thị đều phải có đầy đủ các hạng mục công trình đảm bảo phòng chống cháy, nổ theo đúng quy định hiện hành.

- Các dự án xây dựng mới chợ, TTTM và siêu thị không đầu nối trực tiếp với đường quốc lộ, song cần chú ý đến thiết kế đầu tư hệ thống đường giao thông nội bộ, khu vực đỗ xe... thuận tiện, thông thoáng.

- Tăng cường phối hợp với các lực lượng chức năng thường xuyên kiểm tra, xử lý kiên quyết những trường hợp vi phạm an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ tại chợ, TTTM và siêu thị.

2.8. Giải pháp về tăng cường công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả và vi phạm sở hữu trí tuệ

Đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường tại các chợ, TTTM và siêu thị trong việc chống buôn lậu, gian lận thương mại, kinh doanh trái phép, nhằm bảo vệ sản xuất kinh doanh, bảo vệ những doanh nhân chân chính và lợi ích người tiêu dùng. Chống sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng, kiểm tra thực hiện ghi nhãn mác hàng hóa và kiểm tra chống vi phạm sở hữu công nghiệp.

Điều 2. Tổ chức quản lý và thực hiện quy hoạch

1. Sở Công Thương: Có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tuyên truyền, phổ biến Quy hoạch đến các tổ chức, các tầng lớp dân cư. Hướng dẫn, tổ chức quản lý việc thực hiện Quy hoạch và các hoạt động trong quá trình kinh doanh chợ, TTTM và siêu thị. Tổng hợp những vấn đề nảy sinh vướng mắc, nhu cầu phát sinh trong quá trình thực hiện Quy hoạch trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tham mưu giúp UBND tỉnh xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình chợ, TTTM và siêu thị hàng năm theo Quy hoạch được phê duyệt; thẩm định các dự án đầu tư chợ, trung tâm thương mại và siêu thị, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định (đối với các dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định).

3. Sở Tài Chính: Tham mưu giúp UBND tỉnh ban hành chính sách về thu phí, lệ phí trong hoạt động kinh doanh chợ, trung tâm thương mại và siêu thị.

4. Sở Giao thông vận tải: Chủ trì phối hợp với Sở Công Thương hướng dẫn, kiểm tra các chủ đầu tư xây dựng chợ, trung tâm thương mại và siêu thị thực hiện quy định về hành lang an toàn giao thông.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì phối hợp với Sở Công Thương và các ngành liên quan chỉ đạo các địa phương dành quỹ đất cho xây dựng các chợ, trung tâm thương mại và siêu thị. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về vệ sinh môi trường ở các chợ, trung tâm thương mại và siêu thị trên địa bàn tỉnh.

6. Sở Xây dựng: Trong khi xem xét thẩm định các đồ án quy hoạch xây dựng có trách nhiệm quan tâm quy hoạch sử dụng đất hợp lý cho việc phát triển chợ, TTTM và siêu thị.

7. Sở Khoa học và Công nghệ: Phối hợp với các cơ quan liên quan tham gia quản lý hoạt động chợ, TTTM và siêu thị. Triển khai công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng tại các chợ, TTTM và siêu thị (triển khai hệ thống cân đối chứng).

8. Công an tỉnh: Phối hợp với các ngành liên quan tăng cường công tác kiểm tra phòng cháy, chữa cháy trong quản lý hoạt động chợ, TTTM và siêu thị. Tham gia thẩm định hạng mục phòng chống cháy nổ trong các dự án đầu tư xây dựng chợ, TTTM và siêu thị.

9. Các Sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh: Tổ chức thực hiện Quy hoạch theo chức năng nhiệm vụ của Sở, cơ quan mình.

10. Trách nhiệm của UBND các huyện, thành phố

- Xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm để thực hiện Quy hoạch phát triển chợ, TTTM và siêu thị. Tuyên truyền phổ biến, công khai quy hoạch, bố trí quỹ đất để đầu tư phát triển chợ, TTTM và siêu thị. Phối hợp với Sở Công Thương quản lý việc thực hiện quy hoạch phát triển mạng lưới chợ, TTTM và siêu thị trên địa bàn, kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp phát sinh, bổ sung, điều chỉnh trong quá trình thực hiện quy hoạch.

- Định kỳ hàng năm, báo cáo UBND tỉnh và Sở Công Thương tình hình và kết quả thực hiện Quy hoạch trên địa bàn quản lý.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 88/2005/QĐ-UBND ngày 29/11/2005.

Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương (b/c);
- TT Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LDVP, TKCT, các CVUB, TTCB;
- +Lưu VT, TPKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Bùi Văn Hạnh

BIỂU SỐ 1

THỰC TRẠNG MẠNG LƯỚI CHỢ, TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI VÀ SIÊU THỊ TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008

(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 4 năm 2009 của UBND tỉnh Bắc Giang)

Stt	Huyện, thành phố	Diện tích (m ²)				Số hộ KD cố định	Tổng vốn đầu tư			Hình thức quản lý			Số lượng quy mô chợ			Tổng số
		Tổng diện tích	Trong đó				NSTW	NSDP	Đóng góp	BQL	Tổ	DN	Loại 1	Loại 2	Loại 3	
			B.Tông mái tôn	nhà cấp 4	tranh tre											
I	Chợ	548,852	49,874	27,479	49,200	13,564	10,906	10,020	90,141	29	97	4	2	14	114	130
1	TP Bắc Giang	58,083	21,209	3,498	1,980	1,517	500	4,350	88,001	6	2	4	1	2	9	12
2	H. Việt Yên	47,918	3,590	1,900		850				2	12			2	12	14
3	H. Hiệp Hòa	62,812	1,550	1,793	11,405	1,570				1	16			3	14	17
4	H. Tân Yên	44,630	3,000	1,990	2,240	1,945	2,500	1,890		1	10			3	8	11
5	H. Yên Thế	24,446	2,100	48	2,475	872	1,296			8	0			0	8	8
6	H. Sơn Động	28,884	2,250		6,480	820	3,910	280		0	8			1	7	8
7	H. Lục Nam	80,200	5,139	3,615	6,570	1,572		0		4	14			1	17	18
8	H. Lạng Giang	81,260	2,250	6,660		1,685	2,700	3,780	1,860	1	11		1		11	12
9	H. Yên Dũng	26,600	1,320	925		1,065					11			1	10	11
10	H. Lục Ngạn	94,019	7,466	7,050	18,050	1,668				6	13			1	18	19
II	TTTTM,	5,500							31,000			1			1	1
1	TP Bắc Giang	5,500							31,000			1			1	1
III	Siêu Thị	6,000							40,000			1	1			1
1	TP Bắc Giang	6,000							40,000			1	1			1

BIỂU SỐ 2

QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CHỢ, TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI, SIÊU THỊ TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 4 năm 2009 của UBND tỉnh Bắc Giang)

Stt	Huyện, Thành phố	HỆ THỐNG CHỢ					TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI					SIÊU THỊ				
		Số lượng	Diện tích	Quy mô			Số lượng	Diện tích	Quy mô			Số lượng	Diện tích	Quy mô		
				loại 1	loại 2	loại 3			loại 1	loại 2	loại 3			loại 1	loại 2	loại 3
1	TP Bắc Giang	18	139,050	2	7	9	8	92,900		2	6	5	18,500	2	2	1
2	H. Lục Ngạn	28	147,799	2	6	20	2	25,000			2	2	2,500			2
3	H. Lục Nam	26	112,100		7	19	2	20,000			2	3	2,000			3
4	H. Yên Dũng	20	97,050		5	15	2	30,000			2	2	3,500			2
5	H. Hiệp Hòa	19	83,931	1	5	13	1	15,000			1	5	25,400			5
6	H. Sơn Động	10	45,304	1	1	8	1	10,000			1	2	2,000		1	1
7	H. Lạng Giang	17	138,681	1		16	1	10,000			1	2	7,000			2
8	H. Yên Thế	11	57,846		2	9	1	10,000			1	3	10,000			3
9	H. Tân Yên	17	141,130	1	8	8	3	24,300			3	2	16,300			2
10	H. Việt Yên	15	53,553	1	1	13	2	30,000		1	1	3	2,800			3
	Tổng	181	1,016,444	9	42	130	23	267,200		3	20	29	90,000	2	3	24

BIỂU SỐ 3

QUY HOẠCH NÂNG CẤP, CẢI TẠO MẠNG LƯỚI CHỢ TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 4 năm 2009 của UBND tỉnh Bắc Giang)

Stt	Huyện, Thành phố	Diện tích chợ đang sử dụng (m ²)				Nâng cấp, cải tạo, mở rộng chợ											Diện tích sau khi nâng cấp		
		Tổng diện tích	Trong đó			Diện tích đất tăng thêm	Số lượng chợ	Trong đó		Phân kỳ			Vốn đầu tư (tr đ)				Diện tích	Trong đó	
			B.Tông mái tôn	Nhà cấp 4	Tranh tre			Bê tông mái tôn	nhà cấp 4	2010	2015	2020	2010	2015	2020	Tổng vốn		Bê tông , mái tôn	Nhà cấp 4
I	Tổng	548,852	49,874	27,479	49,200	189,860	101	60,350	33,926	34	52	15	79,732	64,142	19,598	163,472	738,712	110,224	61,404
1	TP Bắc Giang	58,083	21,209	3,498	1,980	35,285	4	13,500	5,070	4	0	0	31,120			31,120	93,368	34,709	8,568
2	H. Việt Yên	47,918	3,590	1,900	0	3,635	13	7,760	800	4	6	3	5,994	3,480	3,592	13,065	51,553	11,350	2,700
3	H. Hiệp Hòa	62,812	1,550	1,793	11,405	6,519	16	2,100	5,224	4	12	0	1,492	8,382		9,874	63,931	3,650	7,016
4	H. Tân Yên	44,630	3,000	1,990	2,240	53,500	8	10,200	845	2	4	2	3,330	15,257	5,668	24,255	98,130	13,200	2,835
5	H. Yên Thế	24,446	2,100	48	2,475	18,400	8	4,200	3,252	3	5	0	3,018	9,620		12,637	42,846	6,300	3,300
6	H. Sơn Động	28,884	2,250	0	6,480	10,120	8	2,050	4,300	1	3	4	3,696	3,197	2,430	9,323	39,004	4,300	4,300
7	H. Lục Nam	80,200	5,139	3,615	6,570	3,800	10	4,880	785	2	6	2	11,175	3,604	1,125	15,904	84,000	10,019	4,400
8	H. Lạng Giang	81,260	2,250	6,660	0	20,521	10	900	2,690	5	5	0	3,439	3,949		7,387	101,781	3,150	9,350
9	H. Yên Dũng	26,600	1,320	925	0	22,200	11	8,610	350	5	3	3	7,645	5,685	3,300	16,630	48,800	9,930	1,275
10	H. Lục Ngạn	94,019	7,466	7,050	18,050	15,880	13	6,150	10,610	4	8	1	8,825	10,969	3,484	23,278	109,899	13,616	17,660

BIỂU SỐ 4

QUY HOẠCH XÂY MỚI MẠNG LƯỚI CHỢ TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 4 năm 2009 của UBND tỉnh Bắc Giang)

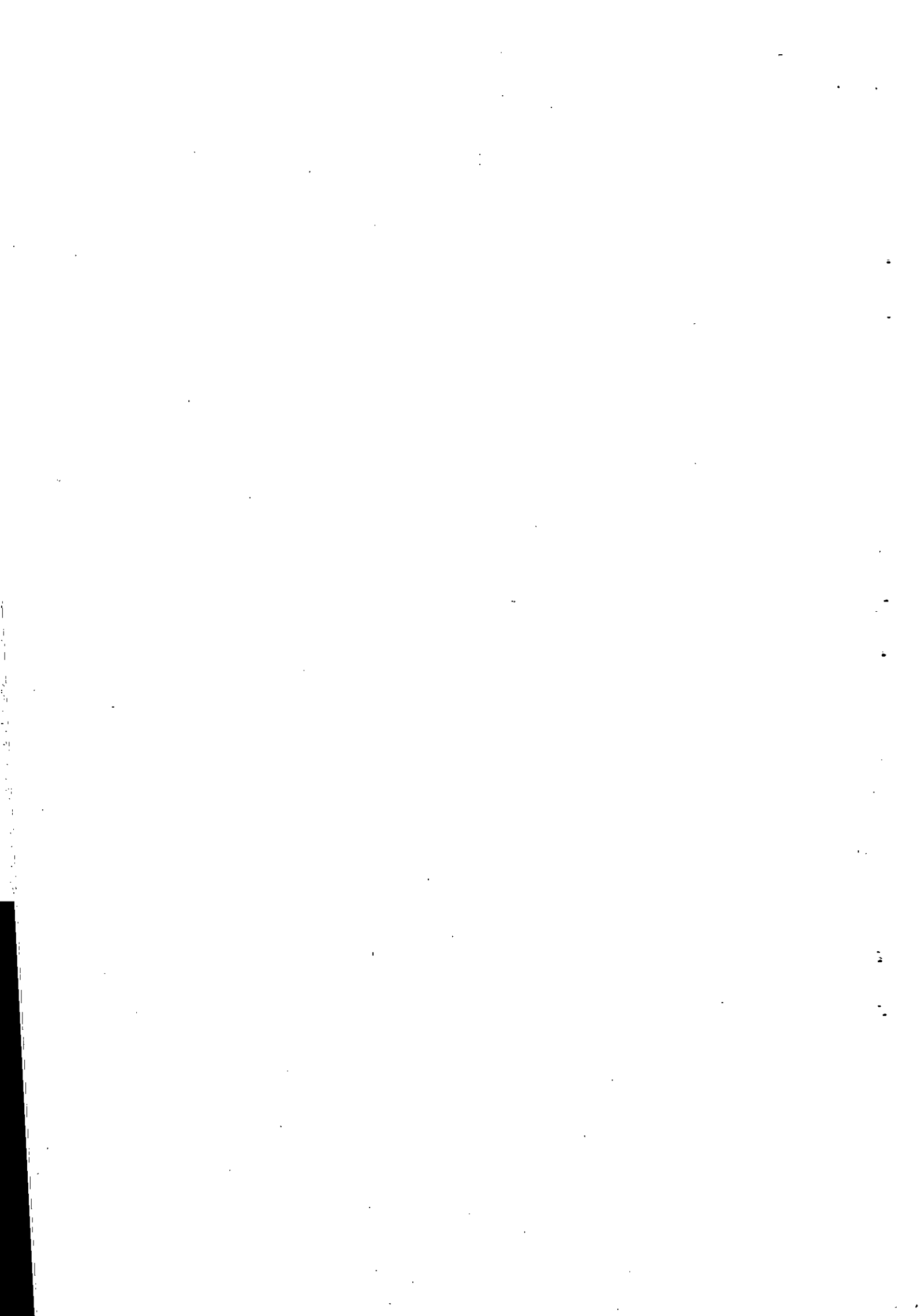
MẠNG LƯỚI CHỢ															
Stt	Huyện, Thành phố	Số lượng	Diện tích (m ²)			Vốn (tr đồng)				Phân Kỳ			Quy Mô		
			Tổng	Bê tông	Cấp 4	2010	2015	2020	Tổng	2010	2015	2020	loại 1	loại 2	loại 3
1	TP Bắc Giang	9	53,182	16,500	5,520	7,050	2,163	29,587	38,799	2	1	6	1	1	7
2	H. Lục Ngạn	9	37,900	3,300	11,200	5,890	15,115	1,950	22,955	2	6	1		1	8
3	H. Lục Nam	8	28,100	200	4,000		4,690	4,225	8,915		4	4			8
4	H. Yên Dũng	9	48,250	250	4,282	1,887	5,664	4,771	12,323	2	4	3			9
5	H. Hiệp Hòa	3	20,000	1,100	1,100		5,860		5,860		3				3
6	H. Sơn Động	2	6,300	1,000	90			2,544	2,544			2			2
7	H. Lạng Giang	5	36,900	2,250	0	7,335	1,575		8,910	4	1				5
8	H. Yên Thế	3	15,000	1,500	600	3,440	1,720		5,160	2	1				3
9	H. Tân Yên	6	43,000	6,900	378		8,768	8,448	17,216		3	3		3	3
10	H. Việt Yên	1	2,000	200	300		930		930		1				1
	Tổng	55	290,632	33,200	27,470	25,602	46,485	51,525	123,612	12	24	19	1	5	49



BIỂU SỐ 5

QUY HOẠCH XÂY MỚI TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 4 năm 2009 của UBND tỉnh Bắc Giang)

TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI													
Stt	Huyện, Thành phố	Số lượng	Diện tích	Vốn (tỷ đồng)				Phân Kỳ			Quy Mô		
				2010	2015	2020	Tổng	2010	2015	2020	loại 1	loại 2	loại 3
1	TP Bắc Giang	7	87,400	48,760	23,850	159,000	231,610	3	2	2		2	5
2	H. Lục Ngạn	2	25,000		66,250		66,250		2				2
3	H. Lục Nam	2	20,000			53,000	53,000			2			2
4	H. Yên Dũng	2	30,000	26,500	53,000		79,500	1	1				2
5	H. Hiệp Hòa	1	15,000		39,750		39,750		1				1
6	H. Sơn Động	1	10,000			26,500	26,500			1			1
7	H. Lạng Giang	1	10,000		26,500		26,500		1				1
8	H. Yên Thế	1	10,000			26,500	26,500			1			1
9	H. Tân Yên	3	24,300	21,995		42,400	64,395	1		2			3
10	H. Việt Yên	2	30,000		53,000	26,500	79,500		1	1		1	1
	Tổng	22	261,700	97,255	262,350	333,900	693,505	5	8	9	0	3	19



BIỂU SỐ 6**QUY HOẠCH XÂY MỚI SIÊU THỊ TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2020***(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 4 năm 2009 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

SIÊU THỊ													
Stt	Huyện, Thành phố	Số lượng	Diện tích (m ²)	Vốn (tỷ đồng)				Phân Kỳ			Quy Mô		
				2010	2015	2020	Tổng	2010	2015	2020	loại 1	loại 2	loại 3
1	TP Bắc Giang	5	18,500		17,425	20,500	37,925		3	2	2	2	1
2	H. Lục Ngạn	2	2,500			5,125	5,125			2			2
3	H. Lục Nam	3	2,000		2,050	2,050	4,100		2	1			3
4	H. Yên Dũng	2	3,500	4,100		3,075	7,175	1	0	1			2
5	H. Hiệp Hòa	5	25,400	11,070	20,500	20,500	52,070	1	2	2			5
6	H. Sơn Động	2	2,000		2,050	2,050	4,100		1	1		1	1
7	H. Lạng Giang	2	7,000		14,350		14,350		2				2
8	H. Yên Thế	3	10,000		20,500		20,500		3				3
9	H. Tân Yên	2	16,300		17,015	16,400	33,415		1	1			2
10	H. Việt Yên	3	2,800		2,050	3,690	5,740		1	2			3
	Tổng	29	90,000	15,170	95,940	73,390	184,500	2	15	12	2	3	24

BIỂU SỐ 6

QUY HOẠCH XÂY MỚI SIÊU THỊ TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 4 năm 2009 của UBND tỉnh Bắc Giang)

SIÊU THỊ													
Stt	Huyện, Thành phố	Số lượng	Diện tích (m ²)	Vốn (tỷ đồng)				Phân Kỳ			Quy Mô		
				2010	2015	2020	Tổng	2010	2015	2020	loại 1	loại 2	loại 3
1	TP Bắc Giang	5	18,500		17,425	20,500	37,925		3	2	2	2	1
2	H. Lục Ngạn	2	2,500			5,125	5,125			2			2
3	H. Lục Nam	3	2,000		2,050	2,050	4,100		2	1			3
4	H. Yên Dũng	2	3,500	4,100		3,075	7,175	1	0	1			2
5	H. Hiệp Hòa	5	25,400	11,070	20,500	20,500	52,070	1	2	2			5
6	H. Sơn Động	2	2,000		2,050	2,050	4,100		1	1		1	1
7	H. Lạng Giang	2	7,000		14,350		14,350		2				2
8	H. Yên Thế	3	10,000		20,500		20,500		3				3
9	H. Tân Yên	2	16,300		17,015	16,400	33,415		1	1			2
10	H. Việt Yên	3	2,800		2,050	3,690	5,740		1	2			3
	Tổng	29	90,000	15,170	95,940	73,390	184,500	2	15	12	2	3	24

